

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 149/2025/HSST
Ngày 20 tháng 6 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuân Phương

2. Bà Nguyễn Thị Huyền Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Phương Ánh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân Quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hai Bà Trưng - thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Anh – Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 20.6.2025, tại trụ sở, Toà án nhân dân Quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 108/2025/HSST ngày 05.5.2025 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn D; Sinh năm: 1967. Giới tính: Nam. HKTT và nơi ở: Ấp C, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Tự do. Văn hoá: 10/10. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Phạm Văn C. Con bà: Nguyễn Thị C1. Danh chỉ bản số 080 ngày 19.02.2025 do Công an quận H cung cấp. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Quang H; Sinh năm: 1979. Giới tính: Nam. HKTT và nơi ở: số A ấp B T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Tự do. Văn hoá: 9/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Lê Văn V. Con bà: Nguyễn Thị M (c). Danh chỉ bản số 079 ngày 19.02.2025 do Công an quận H cung cấp. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Hồng M1; Sinh năm: 1983. Giới tính: Nam. HKTT: Số I Đ, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Nơi ở: 1579 Ấp A, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Tự do. Văn hoá: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Văn H1. Con bà: Phan Thị Bé N. Danh chỉ bản số 081 ngày 19.02.2025 do Công an quận H cung cấp. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Quang K; Sinh năm: 1989. Giới tính: Nam. HKTT và nơi ở: Tường T, xã T, Thị xã D, tỉnh Hà Nam. Nghề nghiệp: Tự do. Văn hoá: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Trần Xuân L. Con bà: Nguyễn Thị H2 (c). Danh chỉ bản số 078 ngày 19.02.2025 do Công an quận H cung cấp. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Vũ Huy B (sinh năm: 1985; HKTT: Khu L, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Nơi ở: Số B ngõ F N, phường Ô, Đ, Hà Nội). Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Phạm Văn H3 (sinh năm: 1989; Địa chỉ: G Đ, phường Đ, thị xã D, Hà Nam). Vắng mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo Trần Quang K: Luật sư Phạm Mai H4, Luật sư Nguyễn Hồng C2 và Luật sư Ngô Thị L1 - Công ty L3, Đoàn Luật sư thành phố H. Luật sư Lê và Luật sư C2 có mặt tại phiên tòa. Luật sư H4 vắng mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho các bị cáo Phạm Văn D, Nguyễn Hồng M1: Luật sư Ngô Thanh S – Văn phòng L4, Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình điều tra, mở rộng vụ án Nguyễn Hữu C3, Lê Văn L2 và Nguyễn Ngọc T cùng đồng phạm bị điều tra, truy tố, xét xử về tội “Làm giả con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự, Cơ quan điều tra đã tiếp tục làm rõ hành vi phạm tội của các bị can liên quan đến vụ án trên như sau:

1. Hành vi của Trần Quang K:

Ngày 14/6/2023, Trần Quang K liên lạc với Nguyễn Ngọc T qua tài khoản facebook để đặt làm giả giấy biên nhận thế chấp với ngân hàng và bản sao y bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Spark BKS 90A-069.82. T báo giá 1.000.000 đồng/bộ và đề nghị K chụp lại giấy biên nhận thế chấp ngân hàng cũ của xe đã hết hạn, bản photo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Tối ngày 14/6/2023, T gửi cho K 02 ảnh giấy tờ giả gồm 01 Giấy biên nhận giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông và 01 Bản sao y bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô để K kiểm tra với tài liệu cũ. Đến trưa ngày 15/6/2023, K xác nhận đúng 02 giấy tờ giả trên, nên T yêu cầu K chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng M2 số 1992999999909 mang tên VO VAN P và gửi địa chỉ nhận hàng.

K đã nhờ bạn là Phạm Văn H3 (SN:1989, trú tại số G đường Đ, phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam) chuyển giúp K 300.000 đồng tiền đặt cọc và gửi địa chỉ nhận 02 tài liệu giả trên là “anh B, địa chỉ 33 hẻm C ngõ A P, L, số điện thoại 0974863555”. Sáng ngày 16/6/2023, K sử dụng tài khoản ngân hàng V1 số 3366991989 chuyển vào tài khoản M2 số 1992999999909 mang tên VO VAN P để thanh toán nốt số tiền làm giả. Đến nay, K vẫn chưa nhận được 02 giấy tờ trên. Còn B và H3 chỉ là người K nhờ nhận và chuyển tiền hộ, không biết và không liên quan đến hành vi làm giả tài liệu của K.

Sau khi nhận được tiền từ K, T đã chuyển 700.000 đồng từ tài khoản ngân hàng M2 số 1992999999909 mang tên Võ Văn P đến tài khoản ngân hàng S1 số 8888888122 mang tên DOAN THE L của C3 và đề nghị C3 chuyển tài liệu giả này đến địa chỉ K đã cung cấp. Ngày 17/6/2023, khi C3 mang các tài liệu giả trên để gửi cho T để T giao cho K thì Cơ quan điều tra bắt quả tang.

Đối với Vũ Huy B nhân viên Công ty TNHH T1 và Phạm Văn H3 - là người được Trần Quang K nhờ nhận hộ hàng và nhờ chuyển tiền, không biết và không liên quan đến hành vi làm giả của K, do vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với B và H3.

2. Hành vi của Nguyễn Hồng M1:

Khoảng cuối tháng 5 năm 2023, do xe ô tô đã hết hạn đăng kiểm và thủ tục đăng kiểm khó khăn, Nguyễn Hồng M1 đã nhờ Lê Văn L2 làm giúp 02 bộ giấy tờ đăng kiểm cho 02 chiếc xe ô tô tải BKS: 63C – 019.07 và BKS: 54U – 1178. L2 đồng ý làm với giá 2.000.000 đồng/01 bộ. L2 hướng dẫn M1 chụp ảnh 2 bên hông xe và đuôi xe có số biển kiểm soát 02 xe cần đăng kiểm cùng ảnh đăng kiểm xe cũ gửi qua zalo của L2 đăng ký bằng số điện thoại 0983787719. Sau đó M đã chuyển tiền cho L2 từ tài khoản của M1, số tài khoản 07057226879 mở tại ngân hàng S2 tới số tài khoản của Lê Văn L2 là tài khoản ngân hàng V2 số 104805417979 số tiền 4.000.000 đồng. L2 đã đặt Nguyễn Hữu C3 làm. Khoảng đầu tháng 6 năm 2023, M1 đã nhận được hai bộ giấy tờ giả của hai chiếc xe (gồm 02 giấy chứng nhận đăng kiểm, 02 tem kiểm định chất lượng phương tiện, 02 tem nộp phí đường bộ). Đầu tháng 6/2023, sau khi nhận được 02 bộ giấy tờ giả do L2 đưa, M1 nhận thức được việc làm giấy tờ giả là vi phạm pháp luật nên M1 đã không dán lên xe để sử dụng. Đến ngày 18/6/2023, được cơ quan Điều tra bộ C6 mời lên làm việc, M1 đã tự nguyện giao nộp toàn bộ sổ đăng kiểm, tem đăng kiểm giả cho cơ quan Công an. Cơ quan điều tra đã thu giữ của Nguyễn Hồng M1 06 tài liệu giả, gồm: Giấy Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Tem kiểm định an toàn kỹ thuật; Tem nộp phí đường bộ.

3. Hành vi của Lê Quang H: Lê Quang H có 2 xe ô tô tải BKS : 63C- 104.40 và 63C – 139.36 Do xe ô tô hết hạn đăng kiểm và thủ tục đăng kiểm khó khăn, nên đầu tháng 6/2023, Lê Quang H nhờ Lê Văn L2 làm giả giấy tờ cho 02 chiếc xe ô tô BKS: 63C- 104.40 và 63C – 139.36 đứng tên H. L2 đồng ý làm giả 02 bộ giấy tờ cho xe ô tô (gồm: giấy kiểm định và tem kiểm định, tem nộp phí đường bộ giả) với giá 3.000.000đ/1 bộ. L2 yêu cầu H chụp ảnh phía sau xe ô tô và giấy tờ đăng kiểm, đăng ký xe gửi qua zalo (Văn Kiệt T). H đã chuyển khoản cho L2 số tiền 6.000.000đ vào tài khoản số 104805417979 mang tên Lê Văn L2 mở tại ngân hàng V2. Sau khi nhận tiền, L2 đã đặt Nguyễn Hữu C3 làm giả 02 bộ tài liệu trên với giá 2.400.000 đồng (1.200.000 đồng/ 01 bộ). Sau đó khoảng 4 ngày, C3 đã chuyển lại cho L2 bộ tài liệu giả trên. Ngày 17/6/2023, sau khi nhận 2 bộ tài liệu giả từ L2, H chưa dán lên xe để sử dụng thì ngày 18/6/2023, Cơ quan CSĐT - Bộ C6 mời lên làm việc, H đã giao nộp các tài liệu này cho Cơ quan Công an. Cơ quan điều tra đã thu giữ của Lê Quang H 06 tài liệu giả, gồm: 02 Giấy Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; 02 Tem kiểm định an toàn kỹ thuật; 02 Tem nộp phí đường bộ.

4. Hành vi của Phạm Văn D:

Phạm Văn D có 04 xe ô tô tải BKS: 57L – 5522; BKS: 64R – 0321, BKS: 63C – 149.96 và BKS 62L - 6935 đứng tên D chuyên để chở vật liệu xây dựng. Do xe đã cũ, việc đi đăng kiểm gặp khó khăn, trong khi xe muốn ký được hợp đồng vận chuyển phải có đăng kiểm xe nên khoảng ngày 12/6/2023, D đặt L2 làm giả 04 bộ đăng kiểm xe với giá 2.800.000 đồng/01 bộ (tổng cộng hết 11.200.000 đồng), L2 yêu cầu đặt cọc trước 5.000.000 đồng. D đã chuyển tiền từ tài khoản của D số tài khoản 070001238920 mở tại ngân hàng S2 tới số tài khoản 104805417979 do L2 yêu cầu mở tại ngân hàng V2. L hướng dẫn D chụp ảnh đuôi xe có số BKS xe cần đăng kiểm cùng ảnh đăng kiểm xe cũ gửi qua zalo của L2 đăng ký bằng số điện thoại 0968337079. Số tiền còn lại 6.200.000 đồng D trả tiền mặt trực tiếp cho L2. L2 thuê C3 làm giả toàn bộ số tài liệu này với giá 4.800.000 đồng.

Ngày 15/6/2023, L2 đã đưa cho D 04 bộ giấy tờ đăng kiểm giả (tổng cộng là 12 tài liệu) gồm 04 sổ đăng kiểm, 04 tem kiểm định chất lượng phương tiện, 04 tem thu phí đường bộ. Sau khi nhận giấy tờ giả, D đã thanh toán số tiền 6.200.000 đồng còn lại cho anh L2 bằng tiền mặt. Tuy nhiên sau khi nhận được giấy tờ giả, D nhận thức việc làm giấy tờ giả là vi phạm pháp luật nên D đã không dán lên xe để sử dụng mà vứt vào một góc nhà. Đến ngày 20/6/2023, D đã giao nộp lại toàn bộ giấy tờ tài liệu giả cho Cơ quan Công an.

Cơ quan Công an thu giữ của D: 04 bộ giấy tờ giả gồm: giấy kiểm định, tem kiểm định, tem nộp phí sử dụng đường bộ giả cho 04 xe ô tô BKS 63C-14996, 57L-5522, 64R-0321, 62L-6935.

*** Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với các tài liệu thu giữ nêu trên, kết quả như sau:** Theo kết luận giám định số 3598 ngày 23/5/2024, số 3710 ngày 27/5/2024 và số 3072 ngày 2/5/2024 của Phòng K1 - Công an Thành phố H xác định các bộ tài liệu thu giữ của Phạm Văn D, Lê Quang H, Nguyễn Hồng M1, Trần Quang K là tài liệu giả.

Tại Cơ quan điều tra, các bị can Phạm Văn D, Lê Quang H, Nguyễn Hồng M1, Trần Quang K đã khai nhận hành vi phạm tội như trên. Lời khai nhận của các bị can phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong vụ án.

Đối với Nguyễn Hữu C3, Lê Văn L2 và Nguyễn Ngọc T đã bị điều tra, truy tố, xét xử về những hành vi nêu trên, nên trong vụ án này không đề cập xử lý.

Đối với 10 chiếc xe ô tô do các đối tượng tự giác giao nộp: Quá trình điều tra làm rõ số xe trên không liên quan đến hành vi làm giả con dấu và tài liệu của Cơ quan tổ chức, hiện chưa làm rõ được chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hà Nội đã ra Quyết định tách tài liệu liên quan đến số xe trên để tiếp tục xác minh, làm rõ theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 102/CT/VKS-HS ngày 29.4.2025 của Viện kiểm sát nhân dân Quận Hai Bà Trưng thì bị cáo Trần Quang K bị truy tố về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Các bị cáo Phạm Văn D, Lê Quang H và Nguyễn Hồng M1 bị truy tố về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

*** Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và xin Tòa giảm nhẹ hình phạt.**

*** Luật sư C2 và Luật sư Lê bào chữa cho bị cáo K có ý kiến:** Nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo: Do có nhu cầu đi lại và tập lái, năm 2023 bị cáo K tìm mua ô tô đã qua sử dụng để phục vụ công việc. Tuy nhiên tới tận khi được giao xe, bị cáo mới biết giấy đăng kiểm, giấy biên nhận thế chấp của ngân hàng, tem đăng kiểm đều đã hết hạn. K không dám sử dụng xe để di chuyển mà để ở nhà. Bị cáo đã liên hệ chủ xe để có thể gia hạn các loại giấy tờ xe đã hết hạn sử dụng nhưng không được. Bị cáo được người bán xe thông tin là muốn làm giấy tờ thì vào nhóm xe N1. Do thiếu hiểu biết pháp luật, bị cáo đã đặt làm giấy tờ qua C3 với mục đích chỉ để sử dụng cho chiếc xe. Vai trò, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo K không trực tiếp tham gia vào quá trình làm giả giấy tờ xe, không biết gì về các công đoạn, quy trình, địa điểm làm giả các giấy tờ này. K đã chủ động liên hệ với chủ xe nhiều lần để làm thủ tục đăng ký xe nhưng không được. Bị cáo cũng chưa nhận được và chưa sử dụng các giấy tờ giả. Hành vi của bị cáo chỉ dừng lại ở giai đoạn chờ nhận và chưa gây hậu quả trong thực tế. Đây là hành vi giúp

sức không đáng kể, cụ thể, các tài liệu do Nguyễn Hữu C3 trực tiếp làm giả. Bị cáo không tham gia làm và không phải là người giữ vai trò chính trong quá trình làm giả các giấy tờ xe. Từ khi mua xe về do không có giấy tờ hợp pháp nên bị cáo không sử dụng chiếc xe nên không gây ra hậu quả cụ thể trong thực tế. Các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo chưa nhận và chưa sử dụng các giấy tờ giả, chưa gây hậu quả trong thực tế. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là trụ cột chính trong gia đình. Vợ bị cáo mới sinh con, sức khỏe yếu. Bị cáo đang chăm sóc, nuôi dưỡng hai con nhỏ, cháu lớn sinh năm 2017, cháu nhỏ sinh ngày 11/3/2025, chưa được 3 tháng tuổi. Vợ bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác, được chủ tịch UBND tỉnh H tặng bằng khen. Ông nội bị cáo là người có công với cách mạng, được trao tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 54, điều 59 Bộ luật hình sự để miễn hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, tiếp tục đóng góp, cống hiến cho xã hội. *

Luật sư S bào chữa cho các bị cáo M1, D có ý kiến: - Bị cáo M1 bị truy tố với vai trò đồng phạm giúp sức. Bị cáo cung cấp thông tin xe nhằm mục đích mua tem giả để sử dụng cho chính phương tiện của mình, không nhằm mục đích kinh doanh. Bản thân nhận được giấy tờ giả nhưng chưa dán lên xe để sử dụng, bị cáo đã giao nộp cho cơ quan công an. Ý thức chủ quan của bị cáo chỉ dừng lại ở việc đáp ứng nhu cầu cá nhân, không phải là người khởi xướng, chủ mưu hay cầm đầu. Mức độ tham gia không đáng kể. Hành vi của bị cáo chỉ là một mắt xích nhỏ trong toàn bộ quá trình làm giả. Vai trò của M1 là thứ yếu, không mang tính quyết định đến sự tồn tại của hoạt động làm giả nói chung. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Mặc dù bị truy tố theo khoản 3 nhưng theo hướng dẫn giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ của Tòa án tối cao ngày 07/4/2017 trường hợp “phạm tội nghiêm trọng” nhưng người phạm tội có vai trò không đáng kể trong vụ án có đồng phạm” vẫn có thể được xem là “thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Vai trò của M1 là thứ yếu, không đáng kể, chỉ là người đặt mua để sử dụng cho cá nhân, không phải chủ mưu, tổ chức. Bị cáo chưa dán lên xe để sử dụng. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự). Bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án (điểm t khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự). Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 điều 51 đối với bị cáo: Gia đình bị cáo có truyền thống cách mạng, có công với đất nước: Cha ruột của bị cáo là ông Nguyễn Văn H1 đã tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Ông nội của bị cáo là ông C4 là người có công với cách mạng. Cha vợ của bị cáo là người có nhiều đóng góp tích cực cho công tác xây dựng nông thôn mới. Ông nội vợ của bị cáo là người có công với cách mạng. Bản thân bị cáo có những đóng góp tích cực cho cộng đồng, hoạt động từ thiện có Giấy khen và thư cảm ơn của Ban chấp hành Hội từ thiện thành phố M. Bản thân bị cáo mắc nhiều bệnh lý, sức khỏe yếu, bị bệnh hở van tim 3 lá, tăng huyết áp nặng, rối loạn lipid, gan nhiễm mỡ độ 2 và độ 3. Hoàn cảnh gia đình bị cáo đặc biệt khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương. Bị cáo đang phải chăm sóc cha mẹ già yếu, bệnh tật, nuôi hai con nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết quy định tại khoản 1 (điểm i, s, t) và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều hơn 2 tình tiết giảm nhẹ, do đó đủ

điều kiện để được xem xét áp dụng điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khoản 3 điều 341 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo. Đối với bị cáo D: Bị cáo D chỉ là người giúp sức bằng việc cung cấp thông tin xe cho mục đích sử dụng cá nhân, không phải chủ mưu, tổ chức, vai trò thứ yếu và đóng góp không đáng kể vào toàn bộ quá trình làm giả của đối tượng chính. Bị cáo cũng chưa dán lên xe để sử dụng, khi giao nộp cho cơ quan công an vẫn ở trong phong bì chưa bóc ra. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự). Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự). Bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm, tự nguyện giao nộp tang vật (điểm t khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự). Bị cáo được tặng bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh T đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua nông dân sản xuất giỏi, kinh doanh giỏi năm 2016 (điểm v khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự). Gia đình bị cáo có công với cách mạng (khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự). Hoàn cảnh gia đình bị cáo đặc biệt khó khăn, bị cáo là lao động chính, đang phải nuôi cha mẹ già yếu (cha bị cáo bị nhồi máu cơ tim, suy tim, lao phổi, nhồi máu não, con bị cáo đang đi học. Bản thân bị cáo cũng mắc bệnh sỏi thận và gan nhiễm mỡ độ 2. Bị cáo có nhiều thành tích đóng góp tích cực cho địa phương. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 (i, h, s, v) khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có đủ điều kiện áp dụng điều 54 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo D hưởng mức hình phạt khoan hồng dưới mức thấp nhất của khoản 3 điều 341 Bộ luật hình sự, cho bị cáo hưởng án treo theo điều 65 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hai Bà Trưng giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: **Áp dụng:** điểm c khoản 2 điều 341, điểm s, h khoản 1, 2 điều 51, điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xét xử bị cáo **Trần Quang K** với mức hình phạt từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 đến 60 tháng.

Áp dụng: điểm a khoản 3 điều 341, điểm s, h, v khoản 1, 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét xử bị cáo **Phạm Văn D** với mức hình phạt từ 36 tháng đến 42 tháng tù. **Áp dụng:** điểm a khoản 3 điều 341, điểm s, h khoản 1, 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét xử bị cáo **Lê Quang H** với mức hình phạt từ 36 tháng đến 42 tháng tù. Xét xử bị cáo **Nguyễn Hồng M1** với mức hình phạt từ 36 tháng đến 42 tháng tù. Các bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận H, thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, luật sư, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu

nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở kết luận: Trong tháng 6/2023, do có nhu cầu làm giả đăng kiểm xe ô tô để đi lại, các bị cáo Phạm Văn D, Lê Quang H, Nguyễn Hồng M1, Trần Quang K đã đặt Lê Văn L2, Nguyễn Ngọc T làm giả 9 bộ tài liệu giả, trong đó:

- **Phạm Văn D** đặt Lê Văn L2 làm giả 12 tài liệu (gồm: 04 Giấy Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, 04 Tem kiểm định an toàn kỹ thuật giả và 04 Tem thu phí đường bộ) cho 04 xe ô tô BKS: 57L – 5522; BKS: 64R – 0321, BKS: 63C – 149.96 và BKS 62L – 6935 với giá 11.200.000 đồng.

- **Lê Quang H** đặt Lê Văn L2 làm giả 6 tài liệu (gồm: 02 giấy kiểm định, 02 tem kiểm định, 02 tem nộp phí đường bộ) cho 02 chiếc xe ô tô BKS 63C-104.40 và BKS: 63C-139.36 với giá 6.000.000 đồng.

- **Nguyễn Hồng M1** đặt Lê Văn L2 làm giả 6 tài liệu (gồm: 02 giấy kiểm định, 02 tem kiểm định, 02 tem nộp phí đường bộ) cho 02 chiếc xe ô tô BKS: 63C – 019.07 và BKS:54U – 1178 với giá 6.000.000 đồng.

- **Trần Quang K** đặt Nguyễn Ngọc T làm giả 3 tài liệu (gồm: 01 giấy kiểm định, 01 tem kiểm định, 01 tem nộp phí đường bộ) cho xe ô tô BKS: 90A-069.82 với giá 01 triệu đồng.

Toàn bộ số tài liệu giả nêu trên, Lê Văn L2, Nguyễn Ngọc T đặt Nguyễn Hữu C3 làm. Trong đó, D, H, M1 đã nhận được các tài liệu giả của mình đặt nhưng các bị cáo đều chưa sử dụng. Còn tài liệu giả của K đặt, ngày 17/6/2023 khi C3 mang đến khu vực trước cửa số nhà D đường M, phường V, quận H, thành phố Hà Nội thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ C6 phối hợp cùng Công an phường V, quận H phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Hành vi của bị cáo Trần Quang K đã phạm tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hành vi của các bị cáo Phạm Văn D, Lê Quang H, Nguyễn Hồng M1 phạm tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm đến sự hoạt động bình thường và uy tín của các Cơ quan Nhà nước, tổ chức, xâm phạm các lợi ích của Nhà nước, các tổ chức và của công dân. Cần xử lý nghiêm khắc trước pháp luật để giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Xét nhân thân bị cáo Phạm Văn D chưa có tiền án, tiền sự. Tại tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Bị cáo có thành tích xuất sắc trong sản xuất có xác nhận của UBND xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Gia đình bị cáo có công với Nhà nước. Bị cáo có thành tích đóng góp cho địa phương trong thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới” có xác nhận của địa phương nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét nhân thân bị cáo Lê Quang H chưa có tiền án, tiền sự. Tại toà bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn có xác nhận của UBND xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo đang nuôi 3 con. Bị cáo bị bệnh tiểu đường nặng nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét nhân thân bị cáo Nguyễn Hồng M1 chưa có tiền án, tiền sự. Tại toà bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương UBND phường A, TP M, tỉnh Tiền Giang. Mẹ bị cáo bị bệnh tim xơ hóa, cha mẹ bị cáo già yếu, không còn khả năng lao động. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi 2 con nhỏ. Bản thân bị cáo bị bệnh hở van tim 3 lá, tăng huyết áp nặng, rối loạn lipid, gan nhiễm mỡ độ 2 và độ 3. Bị cáo có đóng góp cho địa phương trong công tác phòng, chống dịch covid-19 có xác nhận của chính quyền địa phương xã T. Gia đình bị cáo có công với Nhà nước nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét nhân thân bị cáo Trần Quang K chưa có tiền án, tiền sự. Tại toà bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Vợ bị cáo mới sinh con, sức khỏe yếu. Bị cáo đang chăm sóc, nuôi dưỡng hai con nhỏ, cháu lớn sinh năm 2017, cháu nhỏ sinh ngày 11/3/2025, chưa được 3 tháng tuổi. Gia đình bị cáo có công với Nhà nước nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Các bị cáo phạm tội với vị trí, vai trò thứ yếu, không đáng kể. Tài liệu bị cáo K chưa nhận được. Các bị cáo D, H, M1 đã nhận được giấy tờ giả nhưng chưa dán lên xe để sử dụng. Xét thấy không cần thiết phải bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, các bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo ngoài xã hội nhưng các bị cáo cũng phải chịu sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú trong thời gian thử thách.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên !

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo **Phạm Văn D, Lê Quang H, Nguyễn Hồng M1 và Trần Quang K** phạm tội: **“Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”**.

1. Áp dụng: điểm a khoản 3 điều 341, điểm s, v, h khoản 1, 2 điều 51 điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 106, điều 136, điều 331, điều 333, điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: **Phạm Văn D 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.** Thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Áp dụng: điểm a khoản 3 điều 341, điểm s, h khoản 1, 2 điều 51 điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Lê Quang H 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt: Nguyễn Hồng M1 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Áp dụng: điểm c khoản 2 điều 341, điểm s, h khoản 1, 2 điều 51, điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Trần Quang K 24 (hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND Quận Hai Bà Trưng;
- Công an Quận Hai Bà Trưng;
- THA Quận Hai Bà Trưng;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải Yến